

Số: 374 /TB-CCTS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về kết quả quan trắc, cảnh báo môi trường nước nuôi trồng thủy sản (Ngày thu mẫu 26/5/2021)

Theo Kết quả xét nghiệm số 43/XN-TAN; 44/XN-TAN và số 45/XN-TAN ngày 28/5/2021 của Phòng kiểm nghiệm - Trạm Thủy sản An Nghĩa, Chi cục Thủy sản thông báo kết quả quan trắc, cảnh báo môi trường nước nuôi trồng thủy sản như sau:

#### I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

1. Kết quả quan trắc môi trường vùng nuôi tôm huyện Nhà Bè (Phụ lục I).
2. Kết quả quan trắc môi trường vùng nuôi tôm huyện Cần Giờ (Phụ lục II).
3. Kết quả quan trắc vùng nước nuôi nghêu huyện Cần Giờ (Phụ lục III).
4. Kết quả quan trắc môi trường nước vùng nuôi thủy sản huyện Bình Chánh (Phụ lục IV).

#### II. NHẬN XÉT, CẢNH BÁO VÀ KHUYẾN CÁO

##### 1. Chất lượng môi trường nước vùng nuôi tôm huyện Nhà Bè

- Chỉ tiêu lý hóa:

+ Chỉ số pH (7,03-7,36), NH<sub>4</sub>-N (<0,01mg/l), DO (4,50-4,56mg/l), COD (4,48-7,60mg/l), độ trong, nhiệt độ nằm trong giới hạn cho phép;

+ Độ mặn khu vực Bến Đò Kinh Lộ - xã Hiệp Phước nằm trong giới hạn cho phép (7‰), trừ khu vực Cầu Sóc Vàm - xã Hiệp Phước và Rạch Tôm - xã Nhơn Đức thấp hơn giới hạn cho phép (2-4‰);

+ Độ kiềm tại đa số các khu vực đều thấp hơn giới hạn cho phép (35,5-47,5mg CaCO<sub>3</sub>/l);

+ Chỉ số TSS vượt giới hạn cho phép (125-183mg/l).

- Chỉ tiêu vi sinh: Khu vực Bến Đò Kinh Lộ - xã Hiệp Phước có sự hiện diện của *Vibrio spp* với mật độ thấp (0,01x10<sup>3</sup>CFU/ml). Khu vực Cầu Sóc Vàm - xã Hiệp Phước và Rạch Tôm xã Nhơn Đức có sự hiện diện của *Aeromonas* với mật độ thấp (0,08-0,57 x10<sup>3</sup>CFU/ml).

\* Khuyến cáo:

Hiện nay biên độ nhiệt giữa ngày và đêm cao, dễ dẫn đến phát sinh dịch bệnh, cần đảm bảo mực nước trong ao cao nhằm ổn định nhiệt độ. Đặc biệt các khu vực có chỉ số TSS cao hơn nhiều so với giới hạn cho phép. Chi cục khuyến cáo bà con cần quản lý chất lượng môi trường nước nuôi tốt, chú ý đề phòng sốc do

môi trường thay đổi đột ngột. Đồng thời chú ý đến sạt lở bờ để ngăn phèn từ bên ngoài vào bên trong ao nuôi.

- Đối với ao đang nuôi: Chất lượng nước chưa phù hợp cho việc lấy nước vào ao nên hạn chế lấy nước, không nên cấp nước trực tiếp vào ao nuôi. Cần phải qua ao lắng xử lý theo đúng qui định để:

+ Ổn định nhiệt độ trong ao nuôi cần duy trì mực nước trên 1 mét;

+ Xử lý một số chỉ tiêu lý hóa như bón vôi để tăng độ kiềm đảm bảo ổn định trong giới hạn cho phép, ổn định pH;

+ Giảm hàm lượng chất rắn lơ lửng, xử lý mầm bệnh, diệt khuẩn bằng các hóa chất được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản (BKC, Iodine,..) nhằm hạn chế sự phát triển của vi khuẩn gây bệnh đảm bảo chất lượng nước phù hợp nhất trước khi đưa vào ao nuôi. Chú ý cần sử dụng hợp chất có chứa NaCl, Canxi để ổn định độ kiềm, độ mặn;

+ Đối với ao nuôi quảng canh: Nên thường xuyên theo dõi chất lượng nước theo khuyến cáo của cơ quan chức năng để có biện pháp lấy nước phù hợp, xử lý kịp thời khi nguồn nước có dấu hiệu nhiễm khuẩn;

+ Bổ sung thêm vitamin vào thức ăn cho tôm nhất là vitamin C, khoáng vi lượng, men tiêu hóa nhằm tăng sức đề kháng, chống sốc cho tôm khi thời tiết thay đổi;

+ Vệ sinh trang trại, lao động trong trại nuôi, cần hạn chế đi lại giữa các trại, bao lưới khu vực ao nuôi nhằm hạn chế sự xâm nhập của các ký chủ trung gian mang mầm bệnh (như cua, còng, tép)... Chú ý không sử dụng các sản phẩm có chứa hoạt chất là gốc thuốc trừ sâu như Cypermethrin... để diệt giáp xác;

+ Thường xuyên vệ sinh đáy ao, quản lý tốt môi trường nước ao nuôi.

## **2. Chất lượng môi trường nước vùng nuôi tôm huyện Cần Giờ**

- Chỉ tiêu lý hóa:

+ Chỉ số pH (6,99-7,28), độ mặn (5-15‰),  $\text{NH}_4\text{-N}$  (<0,01mg/l), DO (4,49-4,58mg/l), COD (2,40-6,40 mg/l), nhiệt độ, độ trong tại các khu vực nằm trong giới hạn cho phép;

+ Độ kiềm khu vực Rạch Gốc Tre - xã Lý Nhơn nằm trong giới hạn cho phép (74,5mg  $\text{CaCO}_3\text{/l}$ ), các khu vực còn lại đều thấp hơn giới hạn cho phép (37,0-59,5mg  $\text{CaCO}_3\text{/l}$ );

+ Chất rắn lơ lửng TSS tại các khu vực đều vượt giới hạn cho phép (90-165mg/l).

- Chỉ tiêu vi sinh: Đa số các khu vực có sự hiện diện của *Vibrio spp* với mật độ thấp (<10-0,435x10<sup>3</sup>CFU/ml).

- Khuyến cáo:

+ Hiện nay biên độ nhiệt giữa ngày và đêm cao, dễ dẫn đến phát sinh dịch bệnh, cần đảm bảo mực nước trong ao cao nhằm ổn định nhiệt độ. Đặc biệt các khu vực có chỉ số TSS cao hơn nhiều so với giới hạn cho phép. Chi cục khuyến cáo

bà con cần quản lý chất lượng môi trường nước nuôi tốt, chú ý đề phòng sốc do môi trường, chủ động phòng và trị bệnh cho động vật thủy sản.

+ Đối với ao đang nuôi: Chất lượng nước chưa phù hợp cho việc lấy nước vào ao, không nên cấp nước trực tiếp vào ao nuôi, cần phải qua ao lắng để xử lý nhằm đảm bảo chất lượng nước phù hợp nhất khi đưa vào ao nuôi. Chú ý cần sử dụng hợp chất có chứa Canxi để ổn định độ kiềm.

+ Bổ sung thêm vitamin vào thức ăn cho tôm nhất là vitamin C, khoáng vi lượng, men tiêu hóa nhằm tăng sức đề kháng, chống sốc cho tôm khi thời tiết thay đổi.

+ Vệ sinh trang trại, lao động trong trại nuôi, cần hạn chế đi lại giữa các trại, bao lưới khu vực ao nuôi nhằm hạn chế sự xâm nhập của các ký chủ trung gian mang mầm bệnh (như cua, còng, tép)... Chú ý không sử dụng các sản phẩm có chứa hoạt chất là gốc thuốc trừ sâu như Cypermethrin... để diệt giáp xác.

+ Thường xuyên vệ sinh đáy ao, quản lý tốt môi trường nước ao nuôi.

### **3. Chất lượng môi trường nước vùng nuôi nghêu huyện Cần Giờ**

- Chỉ tiêu lý hóa:

+ Độ mặn tại hầu hết khu vực nuôi nghêu nằm trong khoảng (12-28‰);

+ Độ pH nằm trong giới hạn cho phép dao động (7,60-7,91);

+ Độ kiềm tại các khu vực dao động (68,0-102,0mg CaCO<sub>3</sub>/l);

+ COD tại các khu vực nằm trong khoảng (2,24-3,92mg/l);

+ Chỉ số TSS vượt giới hạn cho phép (90-120mg/l);

+ Khu vực Cofidex (A) - vùng nuôi khu vực Cần Thạnh, Sân Quẹo (3) - vùng nuôi khu vực Vịnh Đồng Hòa và Đuôi Sam (4) - vùng nuôi Lý Nhơn có sự hiện diện của *Vibrio spp* với mật độ thấp ( $0,055-0,91 \times 10^3$ CFU/ml), các khu vực còn lại đều có sự hiện diện của *Vibrio spp* với mật độ cao ( $1,095-5,29 \times 10^3$ CFU/ml). Khu vực Cofidex (A) - vùng nuôi khu vực Cần Thạnh, vùng nuôi khu vực 30/4, Sân Quẹo (3) và Vàm Cát Lái vùng nuôi khu vực Vịnh Đồng Hòa, Ngang Trạm BP TA và Đầu Vàm TA - Thạnh An có sự hiện diện của *Vibrio* phát sáng (5-20 CFU/ml).

- Khuyến cáo:

+ Khuyến cáo người dân tuyệt đối không nên thả giống nghêu không rõ nguồn gốc;

+ Nên thả nuôi mật độ từ 180-200 con/m<sup>2</sup>; cỡ giống nuôi từ 400-600 con/kg; không thả giống vào thời điểm thời tiết không thuận lợi (từ tháng 1-3 âm lịch);

+ Đối với nghêu đạt cỡ thu hoạch thì khẩn trương thu hoạch tránh thiệt hại xảy ra;

+ Đối với nghêu chưa đạt cỡ thu hoạch thì chủ động san thưa không để mật độ nuôi quá dày;

+ Có hiện tượng nghêu chết, tấp vào bờ, nhanh chóng thu gom xác nghêu trên bãi để tránh lây lan sang các cá thể nghêu còn sống. Trong trường hợp nghêu chết bị vùi dưới bãi, có biện pháp thu gom hợp lý, tránh làm ảnh hưởng môi trường sống của nghêu;

+ Chú ý vệ sinh bãi nuôi nghêu sau khi thu hoạch (cào, xới, hoặc bơm rửa, sát trùng bãi nuôi...). Khai thông các vùng đọng nước để tránh hiện tượng đọng nước cục bộ, gây nhiệt độ tăng cao vào buổi trưa làm nghêu chết.

#### 4. Chất lượng nước vùng nuôi thủy sản tại huyện Bình Chánh

- Chỉ tiêu lý hóa:

+ Các chỉ số pH (7,12-7,21), độ mặn (0-1‰), độ kiềm (88,0-99,5mg CaCO<sub>3</sub>/l), DO (4,35-4,52mg/l) đều nằm trong giới hạn cho phép;

+ Chỉ số NH<sub>4</sub>N tại các khu vực đều vượt giới hạn cho phép (3,41-4,13mg/l);

+ Chỉ số COD thấp hơn giới hạn cho phép (8,16-11,04mg/l);

+ Chỉ số TSS vượt giới hạn cho phép (180-198mg/l).

- Chỉ tiêu vi sinh: Khu vực Cầu Ấp Quán - xã Tân Nhựt, xã Phong Phú và Bún Xẻo - xã Đa Phước có sự hiện diện của *Aeromonas* với mật độ thấp (0,325-0,98x10<sup>3</sup>CFU/ml), khu vực Rạch Bà Ty - xã Tân Nhựt và Ông Thìn - xã Đa Phước có sự hiện diện của *Aeromonas* với mật độ cao (1,05-1,45x10<sup>3</sup>CFU/ml).

- Hiện nay biên độ nhiệt giữa ngày và đêm cao. Nguồn nước bị ô nhiễm hữu cơ và nhiễm khuẩn, đề nghị bà con không nên cấp trực tiếp nước vào ao nuôi, cần phải qua ao lắng như:

+ Tăng cường oxy hòa tan trong ao nuôi và giảm hàm lượng COD và NH<sub>4</sub>-N (quạt, sục oxy);

+ Xử lý làm giảm ô nhiễm hữu cơ, ổn định chỉ số COD và diệt vi khuẩn bằng các loại hoá chất sát khuẩn được phép sử dụng như BKC, Iodine... Bổ sung thêm các Vitamin, khoáng chất trong khẩu phần ăn để tăng sức đề kháng. Tăng cường sử dụng chế phẩm vi sinh nhằm cải thiện chất lượng nước, góp phần hạn chế việc thay nước thường xuyên.

Trên đây là thông báo kết quả quan trắc về chất lượng nước cấp phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, đề nghị các đơn vị có liên quan, quan tâm triển khai nhanh chóng kết quả đến người nuôi và chờ theo dõi các thông báo tiếp theo của Chi cục. /.

#### Nơi nhận:

- BGD Sở: Ô.Hoàng (để b/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Phòng Kinh tế huyện NB, CG, BC (ph/h);
- UBND TT CT, xã BK, TTH, ATĐ, LN, Thạnh An-huyện Cần Giờ (ph/h);
- UBND xã HP, NĐ-huyện NB (ph/h);
- UBND xã TN, PP, ĐP-huyện BC (ph/h);
- C.Thu - CCT (để b/c);
- P.NTTS; Tr. TSAN; Tr-BVNLTSCG (t/h);
- Lưu: VT, L (15b).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Lê Tôn Cường**

**Phụ lục I**  
**BẢNG KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÙNG NUÔI TÔM - HUYỆN NHÀ BÈ**

(Ngày lấy mẫu 26/5/2021)

(Đính kèm Thông báo số 384/TB-CCTS ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thủy sản)

KẾT QUẢ	CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM											
	<i>Vibrio spp.</i> (CFU/ml)	<i>Vibrio</i> phát sáng (CFU/ml)	<i>Aeromonas spp.</i> (CFU/ml)	pH <sup>(1)</sup>	Độ kiềm <sup>(2)</sup> (mg/l CaCO <sub>3</sub> )	NH <sub>4</sub> -N <sup>(3)</sup> (mg/l)	DO <sup>(3)</sup> (mg/l)	COD <sup>(1)</sup> (mg/l)	TSS <sup>(2)</sup> (mg/l)	Cd <sup>(2)</sup> (mg/l)	Nhiệt độ (°C)	Độ trong (cm)
GIỚI HẠN CHO PHÉP	<1x10 <sup>3</sup>	Không có		7 - 9	60 - 180	< 0,3	≥ 3,5	≤ 50	≤ 50,005		18 - 33	20 - 50
MỨC TỐI ƯU	<1x10 <sup>3</sup>	Không có		7,5 - 8,5	80 - 120	≤ 0,1	≥ 4	0 - 10	0		20 - 30	30 - 35
<b>XÃ HIỆP PHƯỚC</b>												
Cầu Sốc Vàm	-	-	0,08x10 <sup>3</sup>	7,20	41,5	<0,01	4,56	6,56	170	-	26,9	20
Bến đò Kinh Lộ	0,01x10 <sup>3</sup>	0	-	7,36	47,5	<0,01	4,52	7,60	183	-	27,0	20
<b>XÃ NHƠN ĐỨC</b>												
Rạch Tôm	-	-	0,57x10 <sup>3</sup>	7,03	2	<0,01	4,50	4,48	125	-	27,1	20

**Ghi chú:**

- <sup>(1)</sup> Tham chiếu QCVN 08 - MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước mặt.
- <sup>(2)</sup> Tham chiếu QCVN 10 - MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.
- <sup>(3)</sup> Tham chiếu QCVN 02 - 19: 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- <sup>(3)</sup> Tham chiếu Phụ lục 1 Thông tư số 45/2010/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện cơ sở, vùng nuôi tôm sú, tôm chân trắng thâm canh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

**CHI CỤC THỦY SẢN**

**Phụ lục II**  
**BẢNG KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÙNG NUÔI TÔM - HUYỆN CÀN GIỜ**  
(Ngày lấy mẫu 26/5/2021)

(Đính kèm Thông báo số 374 /TB-CCTS ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thủy sản)

KẾT QUẢ	CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM												
	Vibrio spp. (CFU/ml)	Vibrio phát sáng (CFU/ml)	Aeromonas spp. (CFU/ml)	pH <sup>(b)</sup>	Độ mặn (%)	Độ kiềm <sup>(b)</sup> (mg/l CaCO <sub>3</sub> )	NH <sub>3</sub> -N <sup>(b)</sup> (mg/l)	DO <sup>(b)</sup> (mg/l)	COD <sup>(b)</sup> (mg/l)	TSS <sup>(b)</sup> (mg/l)	Cd <sup>(b)</sup> (mg/l)	Nhiệt độ (°C)	Độ trong (cm)
<b>GIỚI HẠN CHO PHÉP</b>	<1x10 <sup>3</sup>	Không có		7 - 9	5 - 35	60 - 180	< 0,3	≥ 3,5	≤ 50	≤ 50	≤ 0,005	18 - 33	20 - 50
<b>MỨC TỐI ƯU</b>	<1x10 <sup>3</sup>	Không có		7,5 - 8,5	10 - 25	80 - 120	≤ 0,1	≥ 4	0 - 10	0 - 20	0	20 - 30	30 - 35
<b>XÃ BÌNH KHÁNH</b>													
Bông Giếng	0,225x10 <sup>3</sup>	0	-	6,99	5	37,0	<0,01	4,53	4,40	125	-	27,4	20
Rạch Đước (BK)	<10	0	-	7,02	5	42,5	<0,01	4,57	2,52	94	-	27,2	25
<b>XÃ AN THỚI ĐỒNG</b>													
Kinh Bà Tổng	<10	0	-	7,21	7	59,0	<0,01	4,55	2,40	90	-	27,6	25
Kinh Hóc Hóa	<10	0	-	7,20	6	49,5	<0,01	4,58	6,24	160	-	27,7	20
<b>XÃ TAM THÔN HIỆP</b>													
Tắc Tây Đen	<10	0	-	7,19	5	38,0	<0,01	4,49	6,08	155	-	26,7	20
Rạch Đước (TTH)	0,035x10 <sup>3</sup>	0	-	7,22	8	50,5	<0,01	4,54	2,88	100	-	27,0	25
<b>XÃ LÝ NHON</b>													
Đoi Tiều	0,125x10 <sup>3</sup>	0	-	7,27	9	59,5	<0,01	4,50	3,28	107	-	27,7	25
Rạch Góc Tre	0,435x10 <sup>3</sup>	0	-	7,28	15	74,5	<0,01	4,55	6,40	165	-	27,7	20
Cống T3	0,01x10 <sup>3</sup>	0	-	7,21	6	50,5	<0,01	4,58	3,00	107	-	27,4	25

Ghi chú:

-<sup>(1)</sup> Tham chiếu QCVN 08 - MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước mặt.

-<sup>(2)</sup> Tham chiếu QCVN 10 - MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

-<sup>(3)</sup> Tham chiếu QCVN 02 - 19: 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

-<sup>(4)</sup> Tham chiếu Phụ lục I Thông tư số 45/2010/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện cơ sở, vùng nuôi tôm sú, tôm chân trắng thâm canh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

**CHI CỤC THỦY SẢN**

**Phụ lục III**  
**KẾT QUẢ QUAN TRẮC, CẢNH BÁO MÔI TRƯỜNG NƯỚC NUÔI NGHỀU TẠI HUYỆN CÀN GIỜ**  
**(Ngày lấy mẫu 26/5/2021)**

(Đình kèm Thông báo số 374/TB-CCTS ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thủy sản)

KẾT QUẢ	Vibrio spp. (CFU/ml)	Vibrio phát sáng (CFU/ml)	pH <sup>(a)</sup>	Độ mặn <sup>(a)</sup> (‰)	Độ kiềm <sup>(a)</sup> (mg/l CaCO <sub>3</sub> )	NH <sub>4</sub> -N <sup>(a)</sup> (mg/l)	COD <sup>(a)</sup> (mg/l)	TSS <sup>(a)</sup> (mg/l)
<b>GIỚI HẠN CHO PHÉP</b>								
<b>Vùng nuôi khu vực Càn Thanh</b>								
1 (Sân Xim)	4,80x10 <sup>3</sup>	0	7,89	28	102,0	<0,01	3,56	115
2 (Cofidex)	0,39x10 <sup>3</sup>	20	7,91	28	101,5	<0,01	2,64	95
<b>Vùng nuôi khu vực 30/4</b>								
3 (Sân Tư Trung)	3,84x10 <sup>3</sup>	20	7,84	28	101,0	<0,01	2,64	95
4 (Hòn N.P Nam)	5,29x10 <sup>3</sup>	5	7,89	28	100,0	<0,01	2,40	90
<b>Vùng nuôi khu vực Vĩnh Đồng Hòa</b>								
5 (Sân Quẹo)	0,91x10 <sup>3</sup>	5	7,91	28	101,0	<0,01	3,92	120
<b>Vùng nuôi khu vực Sông Đông Tranh</b>								
1 (Vàm Long Hòa)	2,88x10 <sup>3</sup>	0	7,90	28	101,0	<0,01	2,96	107
<b>Vùng nuôi khu vực Ngã Ba Cát Lái</b>								
1 (Vàm Cát Lái)	5,16x10 <sup>3</sup>	5	7,89	28	100,0	<0,01	3,12	110
<b>Vùng nuôi Lý Nhơn</b>								
6 (Đuôi Sam)	0,055x10 <sup>3</sup>	0	7,60	12	68,0	<0,01	3,04	110
9 (Hòa Hiệp)	2,7x10 <sup>3</sup>	0	7,90	28	101,0	<0,01	2,24	90
<b>Vùng nuôi khu vực Thạnh An</b>								
2 (Đầu Kinh 50 Thạnh An)	4,235x10 <sup>3</sup>	0	7,89	28	100,5	<0,01	2,40	90
2 (Ngang Trạm BP TA)	2,68x10 <sup>3</sup>	15	7,90	28	101,5	<0,01	2,56	95
2 (Đầu Vàm TA)	1,095x10 <sup>3</sup>	20	7,90	28	102,0	<0,01	2,24	93

Ghi chú: <sup>(1)</sup> Tham chiếu QCVN 08 - MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước mặt. <sup>(2)</sup> Tham chiếu QCVN 10 - MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển. <sup>(3)</sup> Tham chiếu QCVN 02 - 19: 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. <sup>(4)</sup> Tham chiếu Phụ lục 1 Thông tư số 45/2010/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện cơ sở, vùng nuôi tôm sú, tôm chân trắng thâm canh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

**Phụ lục IV**  
**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÙNG NUÔI THỦY SẢN HUYỆN BÌNH CHÁNH**  
 (Ngày lấy mẫu 12/5/2021)  
 (Đính kèm Thông báo số 384/TB-CCCTS ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thủy sản)

KẾT QUẢ	CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM										
	Vi khuẩn			Môi trường nước							
	<i>Vibrio spp.</i> (CFU/ml)	<i>Vibrio</i> phát sáng (CFU/ml)	<i>Aeromonas spp.</i> (CFU/ml)	Độ pH <sup>(1)</sup>	Độ mặn (‰)	Độ kiềm <sup>(2)</sup> (mg/l CaCO <sub>3</sub> )	NH <sub>4</sub> -N <sup>(3)</sup> (mg/l)	DO <sup>(3)</sup> (mg/l)	COD <sup>(1)</sup> (mg/l)	TSS <sup>(4)</sup> (mg/l)	Cd <sup>(2)</sup> (mg/l)
<b>GIỚI HẠN CHO PHÉP</b>	<1x10 <sup>3</sup>	Không có		6,5 – 8,0	0 - 5	60 - 180	≤1,49	≥ 3,5	35 - 100	≤ 50	≤0,005
<b>VÙNG NUÔI BÌNH CHÁNH</b>											
<b>Xã Tân Nhựt</b>											
<b>Cầu Áp Quán</b>	-	-	0,98x10 <sup>3</sup>	7,12	0	88,0	3,94	4,37	11,04	198	-
<b>Rạch Bà Ty</b>	-	-	1,05x10 <sup>3</sup>	7,14	0	87,5	3,41	4,50	10,40	190	-
<b>Xã Phong Phú</b>											
<b>Cầu Cống Lớn</b>	-	-	0,65x10 <sup>3</sup>	7,21	1	99,5	4,03	4,42	8,56	185	-
<b>Cầu Ông Niệm</b>	-	-	0,415x10 <sup>3</sup>	7,21	1	93,0	4,13	4,48	8,16	180	-
<b>Xã Đa Phước</b>											
<b>Ông Thìn</b>	-	-	1,45x10 <sup>3</sup>	7,21	1	90,5	3,66	4,35	8,56	185	-
<b>Bún Xéo</b>	-	-	0,325x10 <sup>3</sup>	7,21	1	89,5	3,59	4,52	10,08	188	-

Ghi chú:

- <sup>(1)</sup> Tham chiếu QCVN 08 - MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước mặt.
- <sup>(2)</sup> Tham chiếu QCVN 10 - MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.
- <sup>(3)</sup> Tham chiếu QCVN 02 - 19: 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- <sup>(4)</sup> Tham chiếu Phụ lục 1 Thông tư số 45/2010/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện cơ sở, vùng nuôi tôm sú, tôm chân trắng thâm canh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
- <sup>(5)</sup> Tham chiếu QCVN 01 - 80: 2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm và điều kiện vệ sinh thú y.

**CHI CỤC THỦY SẢN**